

Số: /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự

toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 100/TTr-SKHCN ngày 05 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025; khoản 1 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật,
Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- UBND xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Nhưng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

QUY ĐỊNH

Quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.
- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm:

a) Thông báo, tiếp nhận hồ sơ, thẩm định đề xuất, thẩm định hồ sơ điều chỉnh, theo dõi đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Xây dựng định hướng và thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 267/2025/NĐ-CP; thành lập Tổ Chuyên gia để rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo

quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; Quyết định xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

đ) Tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; thông báo kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

e) Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

g) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; thành lập đoàn đánh giá trong kỳ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

h) Thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để lấy ý kiến trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

i) Thành lập Tổ Chuyên gia đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

k) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

l) Quyết định việc cho phép một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác sử dụng kết quả nhiệm vụ để thực hiện ứng dụng kết quả nhiệm vụ; Thông báo bằng văn bản đến cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có), tổ chức, cá nhân đã được

giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong đề xuất, đặt hàng, tổ chức thực hiện, đánh giá, nghiệm thu, ứng dụng kết quả nhiệm vụ theo quy định.

3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan có thẩm quyền về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của hồ sơ, tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện và việc sử dụng kinh phí.

Chương II

XÂY DỰNG, BAN HÀNH, QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP TỈNH

Điều 4. Căn cứ xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh

1. Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và của tỉnh.

3. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của tỉnh.

4. Yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh để cụ thể hóa thành chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Nhu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực, địa phương; yêu cầu giải quyết các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, liên ngành, liên vùng của tỉnh.

6. Khả năng cân đối nguồn lực tài chính, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và điều kiện tổ chức thực hiện.

Điều 5. Xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Chương trình) gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định theo quy định.

2. Hồ sơ thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, rà soát hồ sơ đề xuất xây dựng chương trình.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng tư vấn thẩm định nội dung chương trình. Hoạt động của Hội đồng tư vấn quy định tại Điều 17 của Quy định này.

5. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

6. Trên cơ sở kết quả tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Chương trình.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt ban hành chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai quyết định phê duyệt chương trình trên Trang thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện, điều chỉnh và đánh giá Chương trình

1. Tổ chức thực hiện chương trình

Cơ quan được giao chủ trì thực hiện là cơ quan tổ chức thực hiện Chương trình có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các công việc sau:

a) Tổ chức thực hiện chương trình theo quy định;

b) Thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng, phê duyệt, quản lý và tổ chức triển khai, đánh giá các nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Chương III Quy định này và các hoạt động khoa học và công nghệ khác thuộc Chương trình;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả triển khai chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Việc điều chỉnh Chương trình chỉ thực hiện khi có căn cứ rõ ràng về thay đổi yêu cầu quản lý, mục tiêu phát triển, điều kiện nguồn lực hoặc phát sinh nhiệm vụ cấp bách, đột xuất của tỉnh.

a) Cơ quan chủ trì làm văn bản đề nghị điều chỉnh Chương trình gửi Sở Khoa học và Công nghệ, trong đó nêu rõ lý do, căn cứ pháp lý cho việc lập hồ sơ điều chỉnh. Hồ sơ điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

b) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 5 Quy định này.

3. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

Việc đánh giá Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

4. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện chương trình; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III **QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ** **VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Điều 7. Điều kiện đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Điều kiện đối với tổ chức, doanh nghiệp đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Cá nhân đăng ký tham gia các nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải đáp ứng các quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Ngoài ra Chủ nhiệm nhiệm vụ cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ từ Đại học trở lên, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp;

b) Có khả năng và bảo đảm đủ thời gian để tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

c) Không có sai phạm dẫn đến bị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Mỗi cá nhân được đăng ký và thực hiện tối đa 02 nhiệm vụ với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ tại cùng một thời điểm;

đ) Cá nhân có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình làm chủ nhiệm thì không đủ điều kiện tham gia đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định của Cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Căn cứ thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo Kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Trang thông tin điện tử

của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng dựa trên một trong những căn cứ sau:

1. Đặt hàng của sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

3. Cam kết tại các văn bản hợp tác quốc tế song phương, đa phương có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Khả năng cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác trong kế hoạch.

5. Các vấn đề phát sinh từ thực tiễn quản lý, bao gồm yêu cầu cấp bách, đột xuất của tỉnh, yêu cầu xử lý tình huống khẩn cấp về kinh tế - xã hội, môi trường, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng, thiên tai hoặc các vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 9. Đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hằng năm hoặc đột xuất, căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, yêu cầu của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng đặt hàng gửi các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh để nghiên cứu, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đặt hàng nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý phù hợp với ngành, lĩnh vực gửi đề xuất đến Sở Khoa học và Công nghệ thông qua một trong các hình thức sau: Cổng dịch vụ công trực tuyến; nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nộp trực tiếp; nộp qua dịch vụ bưu chính.

3. Nội dung đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua tổ chuyên gia tư vấn. Tổ chuyên gia được quy định tại Điều 18 của Quy định này.

5. Nội dung rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm:

a) Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh;

b) Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện;

c) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả vào sản xuất và đời sống hoặc vào việc xây dựng, hoạch định chính sách;

d) Tên; mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả, hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ;

đ) Phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp); nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặt hàng được giao trực tiếp bao gồm trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Việc xác định mức trần kinh phí dự kiến dựa trên khả năng cân đối kinh phí quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và dự kiến kết quả, hiệu quả, tác động của nhiệm vụ.

6. Nguyên tắc làm việc của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng

a) Phiên họp của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên;

b) Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, độc lập, khách quan, trung thực và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bảo đảm liên chính khoa học. Các thành viên Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn;

c) Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng thảo luận, kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng được thông qua khi có trên 3/4 số thành viên tham gia họp nhất trí;

d) Thành viên của Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng, giữ bí mật các thông tin của cuộc họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

đ) Đại diện cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ có thể được mời tham dự phiên họp của Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng.

7. Phương thức làm việc của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng

a) Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến;

b) Thành viên của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến nhận xét đề xuất đặt hàng;

8. Tài liệu phục vụ phiên họp Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng, gồm:

a) Quyết định thành lập Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng;

b) Văn bản đề xuất đặt hàng nhiệm vụ của tổ chức;

c) Phiếu đánh giá, nhận xét;

d) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu phải được gửi cho thành viên Tổ Chuyên gia trước thời điểm họp ít nhất 03 ngày.

9. Chương trình làm việc của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng

a) Công bố quyết định thành lập Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng, giới thiệu đại biểu tham dự;

b) Tổ trưởng Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng chủ trì phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc. Cử thư ký ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp;

c) Các thành viên Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng phân tích, thảo luận và đánh giá về các nội dung đặt hàng;

d) Các thành viên Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng đánh giá đề xuất đặt hàng;

đ) Đề xuất đặt hàng được “Đề nghị thực hiện” khi tất cả các nội dung trong phiếu đánh giá được đánh giá “Đạt yêu cầu” và “Đề nghị không thực hiện” khi một trong các nội dung trong phiếu đánh giá được đánh giá “Không đạt yêu cầu”;

e) Đề xuất đặt hàng được Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng “Đề nghị thực hiện” khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá “Đề nghị thực hiện”;

g) Đối với đề xuất đặt hàng được “Đề nghị thực hiện”, Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng thảo luận và thống nhất kiến nghị về các nội dung của nhiệm vụ đặt hàng;

h) Đối với đề xuất đặt hàng được “Đề nghị không thực hiện”, Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện và ghi trong biên bản họp Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng;

i) Trường hợp tham gia cuộc họp bằng hình thức trực tuyến, thành viên Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng có trách nhiệm gửi phiếu nhận xét và phiếu đánh giá tới thư ký của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng để tổng hợp.

k) Thư ký khoa học tổng hợp kiến nghị của Tổ Chuyên gia tư vấn đặt hàng và lập thành biên bản cuộc họp của Tổ Chuyên gia.

Điều 10. Phê duyệt danh mục đặt hàng và thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Căn cứ kết quả lựa chọn của Tổ chuyên gia, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh để tuyển chọn trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian ít nhất là 15 ngày. Thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ cần nêu rõ dự kiến mức trần kinh phí, thời hạn, địa chỉ, phương thức thực hiện, phương thức tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan nhà nước có yêu cầu tiếp nhận kết quả.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặt hàng thực hiện theo phương thức giao trực tiếp, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để chuẩn bị hồ sơ.

4. Đối với các đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện yêu cầu cấp bách thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

5. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ giải mã công nghệ; nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ: Thông báo kế hoạch đặt hàng được thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hằng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, yêu cầu của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên trang thông tin điện tử của Sở

Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 15 ngày để các tổ chức, cá nhân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

3. Nội dung thông báo:

a) Nội dung thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế: Nội dung thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Nội dung thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Đối với nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ: Nội dung thông báo thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Khoa học và Công nghệ thông qua một trong các hình thức sau: Cổng dịch vụ công trực tuyến; nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nộp trực tiếp; nộp qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP làm cơ sở tổ chức xét tài trợ, đặt hàng, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xét tài trợ, đặt hàng;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức đề xuất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hoạt động của hội đồng được quy định tại Điều 17 của Quy định này. Kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thể hiện trong biên bản, bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tổng quan, tính cấp thiết và mục tiêu của nhiệm vụ;
- b) Nội dung và phương pháp thực hiện nhiệm vụ;
- c) Kết quả, sản phẩm chính dự kiến đạt được của nhiệm vụ;
- d) Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả;
- đ) Hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân thực hiện.

5. Trên cơ sở biên bản họp Hội đồng, trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất.

Tổ chức đăng ký xét tài trợ, đặt hàng tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng theo mẫu BM-13 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKH-CN và hoàn thiện dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ theo mẫu BM-15 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKH-CN, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ thông qua một trong các hình thức sau: Cổng dịch vụ công trực tuyến; nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nộp trực tiếp; nộp qua dịch vụ bưu chính trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo.

Trường hợp Hội đồng đánh giá hồ sơ “Không đạt” hoặc bị huỷ kết quả xét tài trợ, đặt hàng thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thông báo tài trợ, đặt hàng lần 2 trong các trường hợp sau:

- a) Khi hết thời hạn thông báo tài trợ, đặt hàng theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Quy định này mà không có hồ sơ đăng ký;
- b) Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu khi cơ quan quản lý rà soát hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

7. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- a) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí theo quy định tại Điều 19 Quy định này;
- b) Hồ sơ thẩm định kinh phí bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều này;
- c) Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điểm b, c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Tổ thẩm định lập biên bản thẩm định kinh phí, trong đó có tổng kinh phí thực hiện, kinh phí cho các mục chi, kinh phí khoán, kinh phí không khoán.

Điều 13. Phê duyệt, hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trên cơ sở kết quả xét tài trợ, đặt hàng, kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gồm:

a) Biên bản họp Hội đồng tư vấn xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-13 và Biểu mẫu BM-14 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

c) Dự thảo Quyết định phê duyệt theo Biểu mẫu BM-17 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

d) Biên bản thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Trường hợp cần thiết và phù hợp với điều kiện khả năng, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn để tổ chức khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ. Hoạt động của Tổ chuyên gia tư vấn theo quy định tại Điều 18 Quy định này. Kết quả thẩm định của Tổ chuyên gia được lập thành biên bản theo quy định.

4. Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường hợp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Ký hợp đồng, đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí và điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng giao nhiệm vụ

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với tổ chức chủ trì theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-18 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN.

c) Kể từ thời điểm hợp đồng giao nhiệm vụ có hiệu lực, tổ chức chủ trì chủ động phê duyệt dự toán chi tiết và chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

d) Căn cứ khả năng bố trí kinh phí; nội dung hợp đồng giao nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện cấp kinh phí đợt 01 theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Đánh giá trong kỳ và cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ:

Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành đánh giá trong kỳ và cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN, cụ thể:

a) Định kỳ trong khoảng thời gian 12 tháng một lần tính từ khi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hợp đồng (hoặc trong trường hợp đột xuất), Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn đánh giá, tiến hành đánh giá tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Số thành viên đoàn kiểm tra từ 04 đến 06 người.

Thành phần gồm: Trưởng đoàn kiểm tra là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; Phó Trưởng đoàn là lãnh đạo phòng Quản lý khoa học và các thành viên là cán bộ của bộ phận quản lý khoa học, tài chính. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời đại diện các sở, ngành, địa phương và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan tham gia đoàn. Đoàn kiểm tra làm việc khi có mặt tối thiểu $\frac{2}{3}$ số lượng thành viên theo Quyết định thành lập đoàn (trong đó có Trưởng đoàn hoặc Phó trưởng đoàn kiểm tra được ủy quyền trong trường hợp Trưởng đoàn vắng mặt);

b) Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-19 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN, các tài liệu minh chứng khác (nếu có) và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ; báo cáo được gửi cho đoàn kiểm tra trước 03 ngày làm việc;

c) Kết quả đánh giá được lập thành biên bản theo Biểu mẫu BM-20 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN;

d) Căn cứ kết quả đánh giá trong kỳ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét cấp tiếp kinh phí thực hiện, điều chỉnh hợp đồng hoặc đề nghị tổ chức chủ trì chấm dứt nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tổng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Sở Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ đối với các nội dung sau: Mục tiêu, nội dung, kết quả cuối cùng, thời gian thực hiện nhiệm vụ; quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ; thay đổi tên gọi hoặc tư cách pháp nhân của tổ chức chủ trì do sáp nhập, chia tách, đổi tên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem xét điều chỉnh thời gian thực hiện tối đa 02 lần;

Sở Khoa học và Công nghệ được điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lần 1, cụ thể: Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên, không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng;

Việc xem xét điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lần 2 do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trình tự, thời gian thực hiện điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

đ) Tổ chức chủ trì chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về việc thay đổi cá nhân tham gia nhiệm vụ nhưng không làm giảm số lượng các thành viên tham gia nhiệm vụ, đồng thời phải có sự đồng thuận của các cá nhân liên quan;

e) Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ: Tổ chức chủ trì làm văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ về việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ kèm theo lý lịch khoa học của cá nhân được bổ sung thay thế và phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này.

Điều 15. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nội dung và tiêu chí đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Nộp hồ sơ đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Tổ chức đánh giá:

a) Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá cuối kỳ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Quy định việc thành lập và hoạt động của Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Điều 18 Quy định này.

c) Kết quả đánh giá được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Nhiệm vụ được hoàn thành và hoàn tất thủ tục theo quy định;
- b) Tổ chức chủ trì có văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng theo Biểu mẫu BM-24 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN;
- c) Bị đình chỉ hoạt động bởi cơ quan có thẩm quyền; sử dụng kinh phí sai mục đích, quyết toán không minh bạch; không thực hiện chế độ báo cáo từ 02 lần hoặc từ chối cung cấp hồ sơ, tài liệu kiểm tra, giám sát; gian lận hồ sơ, cung cấp thông tin sai sự thật; tự ý chuyển giao hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ trái thẩm quyền hoặc có quyết định mở thủ tục phá sản;
- d) Khi có căn cứ để khẳng định việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng là không cần thiết hoặc không khả thi;
- đ) Do gặp những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP để tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ thông qua Tổ chuyên gia. Việc đánh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

4. Căn cứ kết quả đánh giá của Tổ chuyên gia, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm căn cứ pháp lý để tiến hành thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và thực hiện các thủ tục tiếp theo. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Biểu mẫu BM-25 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN.

5. Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ:

Sau khi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được chấm dứt theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì thực hiện thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số

267/2025/NĐ-CP. Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-26 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 17. Hội đồng tư vấn khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hội đồng tư vấn khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Hội đồng) do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, bao gồm:

a) Hội đồng tư vấn thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;

b) Hội đồng tư vấn xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;

c) Hội đồng đánh giá khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Hội đồng điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;

đ) Các hội đồng tư vấn khác nhằm phục vụ cho hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ do cơ quan quản lý quyết định.

2. Hội đồng có 07 hoặc 09 thành viên, gồm: Chủ tịch; Phó Chủ tịch; 02 Ủy viên là chuyên gia phản biện, 01 ủy viên đồng thời kiêm thư ký khoa học và các ủy viên khác. Chủ tịch là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên khác của hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có).

Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nội dung cần tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định số lượng và thành phần Hội đồng khác với quy định tại khoản này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thành viên Hội đồng, chuyên gia phản biện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng, chuyên gia phản biện quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Hội đồng có thư ký hành chính để giúp việc.

6. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được tổng hợp vào biên bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b) Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

c) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng tham dự họp thống nhất. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng.

7. Trình tự làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký khoa học công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền điều hành phiên họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt), thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của Hội đồng;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt trước Hội đồng các nội dung của nhiệm vụ;

d) Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

đ) Các thành viên hội đồng trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có);

e) Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

g) Các thành viên Hội đồng đánh giá, chấm điểm;

h) Thư ký khoa học tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng;

i) Thư ký khoa học lập biên bản cuộc họp Hội đồng;

k) Hội đồng xem xét, thông qua biên bản làm việc.

8. Trong trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ trở lên đề nghị xét tài trợ, đặt hàng cho một nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và được Hội đồng đánh giá “Đạt”, hồ sơ được chọn để thẩm định kinh phí là hồ sơ đáp ứng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng cao nhất;

b) Trường hợp có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau, thì chọn hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

c) Trường hợp có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau; kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;

d) Các trường hợp không theo quy định tại điểm a, b hoặc điểm c khoản này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 18. Tổ chuyên gia

1. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ của Tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xem xét, đánh giá các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

2. Tổ chuyên gia có 05 hoặc 07 thành viên, gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, 01 ủy viên đồng thời là thư ký khoa học và các ủy viên khác là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có).

3. Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nội dung cần tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định số lượng và thành phần Tổ chuyên gia khác với quy định tại khoản 2 Điều này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chuyên gia có Thư ký hành chính để giúp việc.

4. Nguyên tắc, phương thức, tài liệu, chương trình làm việc, kết quả đánh giá của Tổ chuyên gia thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 9 của Quy định này.

Điều 19. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập để thực hiện rà soát định mức chi, sự phù hợp với nội dung công việc và chi phí khác theo quy định hiện hành.

2. Tổ thẩm định kinh phí có Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện cơ quan, đơn vị quản lý tài chính và các thành viên khác có liên quan.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề cần tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác so với quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổ thẩm định có nhiệm vụ rà soát định mức chi, sự phù hợp với nội dung công việc và chi phí khác theo quy định hiện hành. Tổ thẩm định lập biên bản thẩm định kinh phí, trong đó có tổng kinh phí thực hiện, kinh phí cho các mục chi, kinh phí khoán, kinh phí không khoán.

5. Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định, trong đó có tổng kinh phí thực hiện; kinh phí cho các mục chi; kinh phí khoán, kinh phí không khoán (nếu có).

Điều 20. Tổ chức tư vấn độc lập và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để lấy ý kiến trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể như sau:

a) Chuyên gia tư vấn độc lập trong nước là người có trình độ từ đại học trở lên, có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, là tác giả của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu thực hiện;

b) Tổ chức tư vấn độc lập là đơn vị có chức năng chuyên môn phù hợp và có chuyên gia tư vấn đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được Sở Khoa học và Công nghệ thuê để thực hiện các công việc sau: đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm cần đo kiểm; tư vấn xét duyệt, giám sát, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn đánh giá chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; tư vấn đánh giá trong kỳ, đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; tư vấn xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; tư vấn xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; tư vấn thẩm tra kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; tư vấn đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả, tác động của tổ chức, chính sách, chiến lược, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn xây dựng chiến lược, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn đánh giá chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này phải độc lập, không có mối quan hệ hay lợi ích nào có thể ảnh hưởng đến tính khách quan trong quá trình và kết luận đánh giá hoặc đưa ra các quyết định tư vấn; không có sự xung đột lợi ích với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin trong suốt quá trình tư vấn, đánh giá.

Chương IV

KINH PHÍ, DỮ LIỆU, KẾT QUẢ VÀ ỨNG DỤNG SAU NGHIỆM THU

Điều 21. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số

38/2025/TT-BKHHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kinh phí phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

3. Trường hợp có kinh phí đối ứng, tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng cam kết.

Điều 22. Quản lý dữ liệu, báo cáo và cập nhật thông tin

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì cung cấp thông tin về dữ liệu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 22/2025/TT-BKHHCN ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 22/2025/TT-BKHHCN.

Điều 23. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Chương V

TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Ban hành thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng; hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát hồ sơ; tổ chức tư vấn, thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; tổ chức quản lý dữ liệu, kết quả, đánh giá tác động sau nhiệm vụ.

4. Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí hàng năm.

5. Chủ trì xử lý hoặc tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, căn cứ khả năng cân đối ngân sách Sở Tài chính phối hợp với đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo phân cấp ngân sách và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nguồn kinh phí phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có) trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; xác định rõ nhu cầu, địa chỉ ứng dụng, cam kết tiếp nhận kết quả.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu và ứng dụng kết quả.

3. Chủ động lồng ghép, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ đúng nội dung, tiến độ, sản phẩm, kinh phí và hợp đồng đã ký.

2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, kết quả nghiên cứu, số liệu, tài liệu chuyên môn, tài chính và việc chấp hành các quy định liên quan.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, cập nhật dữ liệu, bàn giao kết quả, lưu giữ kết quả, xử lý tài sản, quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Phối hợp với cơ quan, đơn vị ứng dụng kết quả để chuyển giao, nhân rộng, thương mại hóa kết quả sau nghiệm thu.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn; kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Khi phát hiện khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.